TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2018
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung

Ông Nguyễn Thành Thông

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 13/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 472/2016/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2016 về vụ việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 775/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà S, sinh năm: 1986
Địa chỉ: số A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông C, sinh năm: 1979
Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)
Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà S:

Ngày 13 tháng 6 năm 2008, bà và ông C đã đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào sổ đăng ký số 2104 quyển số 08 ngày 20 tháng 6 năm 2008. Sau khi kết hôn, ông C về Đài Loan sinh sống và làm việc, bà vẫn ở lại Việt Nam.

Từ khi ông C về Đài Loan cho đến nay ông không trở về Việt Nam để thăm bà và ông bà cũng không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng không còn và đã tự chấm dứt hôn nhân từ đó cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống riêng.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì ông C đang cư trú tại lãnh thổ Đài Loan.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà S, cho bà S được ly hôn với ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà S đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông C hiện đang sinh sống tại lãnh thổ Đài Loan. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà S tham gia phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 13/3/2018 nhưng bà S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 28/12/2017.

Đối với ông C, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông C tại địa chỉ: số Đài Loan. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản số 3204/BTP-PLQT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tư pháp Việt Nam thong báo về kết quả ủy thác tư pháp có nội dung "Bộ Tư pháp nhận được văn bản số 1060063081 ngày 28/8/2017 của Bộ Tư pháp lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư thác theo đề nghị của Quý Cơ quan tại Công văn số 51/TTTPDS-TA30 ngày 24/3/2017

đối với đương sự ông C có địa chỉ tại số Đài Loan. Theo đó cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác nêu trên vào ngày 28/7/2017 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an.". Hết thời hạn niêm yết theo quy định của pháp luật, ông C không đến Tòa án cũng không có văn bản trả lời, không có đơn xin xét xử vắng mặt được cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại lãnh thổ Đài Loan xác nhận chữ ký hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của bà S có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13 tháng 6 năm 2008, vào Sổ đăng ký kết hôn số 2104 quyển số 09 ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà S trình bày, sau khi kết ông bà không có đời sống vợ chồng, mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, hạnh phúc vợ chồng không có. Về phía ông C, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho ông theo đúng thủ tục luật định nhưng ông C không hồi báo. Điều này cũng chứng tỏ ông C không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống. Do đó bà Sv đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông C là có căn cứ để chấp nhận để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng sau này.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

-Về án phí dân sự sơ thẩm bà S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà S.

Quan hệ hôn nhân: Bà S được ly hôn với ông C.

Con chung: Không có

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà S chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí số 0031483 ngày 02/11/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho bà S theo Biên lai thu số 0033584 ngày 07/3/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà S nhận tống đạt hợp lệ bản án. Đối với ông C thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thọ Viên